

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ECOLINK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ECOLINK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ECOLINK INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ECOLINK I&D JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109989039

3. Ngày thành lập: 09/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 67, Ngõ 281, Phố Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0945119886

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn; Cửa cuốn, cửa tự động; Dây dẫn chống sét; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá)	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ bán buôn động vật sống bị cấm)	4620
14.	Bán buôn thực phẩm	4632

15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.	4649
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659(Chính)
20.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm hoạt động buôn bán vàng)	4662
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim.	4663

23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.	4669
24.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Dịch vụ xúc tiến thương mại gồm: tổ chức khuyến mại, quảng cáo thương mại, trưng bày, giới thiệu hàng hoá, dịch vụ và hội chợ, triển lãm thương mại	8230
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
26.	Đào tạo sơ cấp	8531
27.	Đào tạo trung cấp	8532
28.	Đào tạo cao đẳng	8533
29.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy máy tính; - Giáo dục không xác định theo cấp độ; - Đào tạo trực tuyến; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư). (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)	8559
30.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
31.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa (Nghị định 109/2016/2NĐ-CP quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám, chữa bệnh được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP sửa đổi quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế)	8610

32.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: - Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa - Hoạt động của các phòng khám nha khoa (Nghị định 109/2016/2NĐ-CP quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám, chữa bệnh được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP sửa đổi quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế)	8620
33.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
34.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên.	9329
35.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
36.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
37.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
38.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: - Hoạt động thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm, bao gồm sản xuất phần mềm đóng gói; - Sản xuất phần mềm theo đơn đặt hàng; - Sản xuất phần mềm nhúng; - Hoạt động gia công phần mềm và hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm; - Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng. (Điều 9 Nghị định 71/2007/NĐ-CP Hướng dẫn Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin)	6201
39.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

40.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; - Các dịch vụ máy tính khác.	6209
41.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: - Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, từ dữ liệu do khách hàng cung cấp; - Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web....; - Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động,...) cho khách hàng.	6311
42.	Cổng thông tin Chi tiết: - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội (Điều 6, Điều 27 Nghị định 72/2013/NĐ-CP Quản Lý, Cung Cấp, Sử Dụng Dịch Vụ Internet Và Thông Tin Trên Mạng) - Sàn giao dịch thương mại điện tử (Điều 35 Nghị định 52/2013/NĐ-CP quy định về Thương mại điện tử được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2021/NĐ-CP) (Trừ hoạt động báo chí)	6312
43.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin, v.v...	6399
44.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, luật).	6619
45.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)	6810

46.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Điều 69 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); - Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014). (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
47.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm: tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán)	7020
48.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
49.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
50.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
51.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
52.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
53.	Quảng cáo (Trừ các hoạt động quảng cáo quy định tại Điều 7 Luật Quảng Cáo năm 2018)	7310
54.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Nghiên cứu thị trường tiềm năng, sự chấp nhận, tính liên quan của sản phẩm và thói quen mua sắm của người tiêu dùng cho mục đích xúc tiến bán và phát triển những sản phẩm mới, bao gồm kết quả phân tích thống kê. (Không bao gồm dịch vụ thông tin nhà nước cấm)	7320
55.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất	7410
56.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nghiên cứu, tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	7490
57.	Bán buôn tổng hợp	4690

58.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Không bao gồm kinh doanh quán bar và thuốc lá nhập khẩu)	4711
59.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
60.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
61.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
62.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
63.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
64.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
65.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
66.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
67.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
68.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
69.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
70.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ.	4784
71.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ,...	4789
72.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
73.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
74.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (Điều 6 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4931

75.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (Điều 4 Nghị định 10/2020/NĐ-CP); - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 7 Nghị định 10/2020/NĐ-CP).	4932
76.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
77.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
78.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
79.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
82.	Bốc xếp hàng hóa	5224
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Kinh doanh dịch vụ logistics (Nghị định 163/2017/NĐ-CP); - Hoạt động bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229
85.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn	5510
86.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar, vũ trường)	5610
87.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
88.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.	5629
89.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quầy bar, vũ trường)	5630
90.	Xuất bản phần mềm	5820
91.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các đại lý internet cung cấp dịch vụ truy cập internet cho khách hàng.	6190
92.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
93.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng.	7730
94.	Đại lý du lịch	7911

95.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	7912
96.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
97.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
98.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
99.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
100.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (Trừ kính thuốc)	3250
101.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
102.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
103.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
104.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
105.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
106.	Xây dựng nhà để ở	4101
107.	Xây dựng nhà không để ở	4102
108.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
109.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
110.	Xây dựng công trình điện	4221
111.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
112.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
113.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn.	4229
114.	Xây dựng công trình thủy	4291
115.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
116.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
117.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời; - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
118.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
119.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
120.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

121.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
122.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
123.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4752
124.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
125.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
126.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
127.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
128.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
129.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772

130.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ VĂN THỌ	Số 67, Ngõ 281, Phố Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	60,000	0240880001 08	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	60,000		

2	LÊ TUẤN SON	Xóm 8, Xã Xuân Bắc, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	15,000	036093016483
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	45.000	450.000.000	15,000	
3	PHAN VĂN ĐẠT	Số 4, ngõ 9, đường Ngô Văn Sở, Phường Lê Mao, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	15,000	187095291
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	45.000	450.000.000	15,000	
4	NGUYỄN HỒNG KỶ	Thôn An Lạc, Xã An Dục, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	10,000	034086017586
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ VĂN THỌ**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *28/08/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *024088000108*

Ngày cấp: *11/05/2016*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Số 67, Ngõ 281, Phố Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 67, Ngõ 281, Phố Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội